

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-8-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, chị Lê Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 13 tháng 02 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 5, xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng trong kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị Lê Thị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2022 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc T2.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 có ba con chung tên là Phạm Nho T3, sinh ngày 23/04/2012, Phạm Thị Minh K1, sinh ngày 25/12/2013 và Phạm Thị U, sinh ngày 14/8/2015. Hiện các con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Phạm Thị U và đề nghị anh Phạm Quốc T2 trực tiếp nuôi dưỡng con tên Phạm Nho T3 và Phạm Thị Minh K1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Phạm Quốc T2 tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 không có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh Phạm Quốc T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2. Giao con chung tên là Phạm Thị U, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao hai con chung tên là Phạm Nho T3, sinh ngày 23/04/2012, Phạm Thị Minh K1, sinh ngày 25/12/2013 cho anh Phạm Quốc T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải

quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Phạm Quốc T2 không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Phạm Quốc T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng trong kinh tế nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị T xin ly hôn với anh Phạm Quốc T2. Anh Phạm Quốc T2 không trình bày quan điểm thể hiện chưa thực sự quan tâm đến hôn nhân. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T với anh Phạm Quốc T2.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 có ba con chung tên là Phạm Nho T3, sinh ngày 23/04/2012, Phạm Thị Minh K1, sinh ngày 25/12/2013 và Phạm Thị U, sinh ngày 14/8/2015. Khi ly hôn chị Lê Thị T đề nghị được nuôi con tên Phạm Thị U và đề nghị anh Phạm Quốc T2 nuôi hai con tên Phạm Nho T3

và Phạm Thị Minh K1, anh Phạm Quốc T2 không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện các con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường, điều kiện nuôi con của các bên ngang nhau, nguyện vọng của cháu Phạm Nho T3 và Phạm Thị Minh K1 là muốn ở với bố, nguyện vọng của cháu Phạm Thị U là muốn ở với mẹ. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung tên là Phạm Nho T3 và Phạm Thị Minh K1 cho anh Phạm Quốc T2 trực tiếp nuôi dưỡng và giao con tên là Phạm Thị U cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lê Thị T trình bày để tự thỏa thuận và anh Phạm Quốc T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là Phạm Nho T3, sinh ngày 23/04/2012 và Phạm Thị Minh K1, sinh ngày 25/12/2013 cho anh Phạm Quốc T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Phạm Thị U, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lê Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0007912 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Phạm Quốc T2 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện T1;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**